

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày: 20-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Bùi Văn Thảo

+ Bà Lê Thị Ngọc Lan

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Y Hương, Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Thành T1, sinh ngày 10/7/1985 tại thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nơi cư trú: Thôn A, xã M, huyện Đ, Quảng Nam; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành P, sinh năm: 1962 và bà Phạm Thị Q, sinh năm: 1964; Có vợ Nguyễn Thị N, sinh năm: 1988; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 25/5/2015 bị Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xử lý vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng đã được xóa; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Đinh Thanh P1, sinh ngày 06/02/1980 tại huyện M, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn CI, xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Quang H, sinh năm: 1939 (chết) và bà Cao Thị Đ, sinh năm: 1946; Có vợ Thái Thị C, sinh năm: 1979; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2006. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo Cao Văn B1, sinh ngày 12/5/1979 tại huyện M, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn Y, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Bá T, sinh năm: 1948 (chết) và bà Đinh Thị C, sinh năm: 1953; Có vợ Đinh Thị N, sinh năm: 1981; Có 04 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất

sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo Đinh Xuân T2; Sinh ngày: 01/4/1988, tại huyện M, Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn CI, xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Đinh Xuân T, sinh năm: 1967 và bà Lưu Thị N, sinh năm: 1967; Có vợ Đinh Thị H, sinh năm: 1998; Có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo Đinh Văn Đ; Sinh ngày: 27/12/1989, tại huyện N, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: T1, thôn T2, thị trấn T, huyện N, Quảng Nam; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; con ông Đinh X, sinh năm: 1965 và bà Trần Thị N, sinh năm: 1964; Có vợ Nguyễn Thị D, sinh năm: 1992; Có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 15/9/2010 bị Công an huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xử lý vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích với số tiền 1.500.000 đồng đã được xóa; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Nguyên đơn dân sự*: Ban Quản lý rừng phòng hộ A Vương.

Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phúc T - Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự: Ông Nguyễn Văn H1 - Chức vụ: Phó Giám đốc (theo văn bản ủy quyền số 01/GUQ-BQL ngày 18/9/2018).
Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1/ Cao Văn P2, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn K, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

2/ Nguyễn Văn K, sinh năm: 1975; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

3/ Trần Văn H2, sinh năm: 1963 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 25, 223/33 đường N, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng.

4/ Nguyễn Phước T3, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn A, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

5/ Đặng Ngọc H3, sinh năm: 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

6/ Đinh Thanh H4, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn CI, xã X, huyện M, Quảng Bình

Người giám hộ cho ông H4: Anh Đinh Mạnh H5, sinh ngày 10/5/2000 (vắng mặt); Nơi cư trú: Thôn CI, xã X, huyện M, Quảng Bình (con ruột ông H).

7/. Nguyễn Thị D, sinh năm: 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: T1, thôn T2, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- *Người làm chứng*:

1/ Hóih B2, sinh năm: 1977 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

2/ Hiối T4, sinh năm: 1984 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

3/ Hóih T5, sinh năm: 1979 (có mặt)
Nơi cư trú: Thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 2 năm 2018, T1 điện thoại cho P1 về việc vào rừng khai thác gỗ thuê cho T1 với giá 8.000.000 (tám triệu) đồng/một khối gỗ. Do trước đó, T1 và P1 đã cùng nhau vào khu vực rừng phòng hộ tự nhiên tại K3 T163 (thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam) do Ban Quản lý rừng Phòng hộ A (sau đây viết tắt là Ban QLRPH A) làm chủ rừng để tìm nấm nên biết tại khu vực này có 01 (một) cây gỗ Gõ Đỏ đã bị đối tượng nào đó không rõ khai thác trước đó bỏ lại và 02 (hai) cây gỗ Giổi có thể khai thác lấy gỗ về bán thu lợi. P1 đồng ý và rủ thêm B1, T2 cùng đi khai thác gỗ, riêng H4 bị bệnh tâm thần xin đi theo. Ngày 22/3/2018, P1, T2, B1, H4 đón xe từ Quảng Bình vào đến thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Khoảng 17 giờ chiều đến huyện N, P1 điện thoại cho T1 đến đón. T1 điện thoại cho Đ nhà ở huyện N và nói “Quân vô rồi, em đi chở cùng anh” (trước đây, T1 và Đ cũng đã từng đi làm cùng nhau và hẹn sau này nếu có công việc gì làm thì T1 sẽ gọi cho Đ) nên khi nghe T1 gọi điện thì Đ đồng ý và hai người đi 02 (hai) chiếc xe mô tô đến đón P1, T2, B1, H4 về nhà T1 tại thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, ngủ lại. Trên đường đi từ thị trấn T về thôn A, xã M, T1 nói với Đ đây là những người ở Quảng Bình, T1 gọi vào để đi làm gỗ. Đồng thời, T1 nói với Đ: “Mi xem không có việc gì làm thì đi làm giúp anh ít bữa”, Đ hỏi: “Ở đâu” thì T1 chỉ hướng đập chính Thủy điện A và nói: “Khu vực ngã ba gần nhà anh đi vào”. Sáng ngày 23/3/2018, T1 mang theo 01 cửa máy nhãn hiệu STIHL MS381, 10 lít xăng đã chuẩn bị trước đó và nhóm của P1, B1, T2, H4 mua một số lương thực và đồ dùng để ở lại trong rừng. T1 sử dụng chiếc xe máy hiệu Honda Wave màu đỏ đen, biển số 92F6-1967 chở P1, còn Đ sử dụng chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đen, biển số 92T1-018.79 chở B1, T2, H4 cùng đi vào hướng đập chính Thủy điện A. Đến khu vực miếu gần đập thủy điện, T1 và Đ để 02 (hai) xe mô tô lại, sáu người (T1, Đ, P1, B1, T2, H4) cùng đi bộ vào rừng, đi được khoảng 02 giờ đồng hồ thì đến một lán trại bỏ hoang thì dừng lại sửa lán trại này để ở. Ngày 24/3/2018, sáu người đi đến vị trí cách lán trại khoảng 300m (ba trăm mét) có 01 (một) cây gỗ Gõ Đỏ đã bị chặt hạ trước đó, cạnh gốc cây gỗ Gõ Đỏ có 04 (bốn) phách gỗ và 03 (ba) lóng gỗ cùng chủng loại. Lúc này, T1 bảo P1, T2, B1, H4 gùi 04 (bốn) phách gỗ Gõ Đỏ lên đỉnh đồi để đưa về vị trí tập kết gỗ tại khu gần miếu. T1 và Đ ở lại dùng cửa máy xẻ các lóng gỗ còn lại ra thành phách. Đến trưa ngày 25/3/2018, T1 và Đ đã xẻ được 12 (mười hai) phách gỗ từ các lóng gỗ Gõ Đỏ này, còn P1, B1, T2 và H4 gùi được 12 (mười hai) phách gỗ Gõ Đỏ lên đỉnh đồi. Chiều cùng ngày, sáu người đi đến vị trí cây gỗ Giổi, cách cây Gõ Đỏ khoảng 200 (hai trăm) đến 300m (ba trăm mét). T1 thỏa thuận với P1, sẽ trả thêm tiền xẻ gỗ 1.000.000 (một triệu) đồng/một khối gỗ xẻ, P1 đồng ý và B1 dùng dao phụ P1 phát dọn xung quanh. P1 dùng cửa máy của T1 cửa đổ cây gỗ Giổi và cắt cây gỗ ra thành 02 (hai) lóng gỗ, rồi đưa cửa lại cho T1. P1, B1, T1, H4 tiếp tục gùi 04 (bốn) phách gỗ Gõ Đỏ lên đỉnh đồi. T1 cùng Đ ở lại để xẻ các lóng gỗ Giổi này ra thành phách, Đ dùng dây mực búng lên lóng gỗ để T1 dùng cửa máy xẻ được 02 (hai) phách gỗ Giổi, sau đó cả hai về lán trại nghỉ ngơi. Sáng ngày 26/3/2018, T1 và Đ ra khỏi rừng đi về nhà, trước khi về T1 nói với P1, B1, T2, H4 và Đ cùng nghe

là đã xẻ được 02 (hai) phách gỗ Giỏi từ 02 (hai) lóng gỗ Giỏi hạ ngày hôm qua (ngày 25/3/2018) phân còn lại P1 xẻ tiếp, khi nào xẻ xong thì hạ cây gỗ Giỏi trên đồi cách lán trại khoảng 50m (năm mươi mét) thì P1, B1, T2 đồng ý. Trên đường từ rừng về nhà, T1 nói với Đ: “Khi mô mấy người làm gỗ vận chuyên gỗ ra thì ta điện mi qua chờ nghe”, Đ đồng ý. Trong ngày này, P1, B1, T2, H4 gửi 08 (tám) phách gỗ Gõ Đỏ ra khu vực khe suối, rồi về lại lán trại nghỉ ngơi. Sáng ngày 27/3/2018, P1, B1, T2, H4 nghỉ ngơi tại lán trại, đến chiều bốn người gửi 08 (tám) phách gỗ Gõ Đỏ đến vị trí tập kết gần khu miếu (gồm: 04 phách còn lại gần gốc cây Gõ Đỏ và 04 phách tại khe suối). P1 dùng điện thoại gọi cho T1 đến chờ số gỗ Gõ Đỏ này về. T1 điện thoại nói Đ qua để cùng đi chờ gỗ về. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T1 và Đ chạy trên hai chiếc xe mô tô đến điểm tập kết gỗ, cả nhóm sáu người cùng khiêng 08 (tám) phách gỗ Gõ Đỏ chất lên hai xe mô tô để T1 và Đ chở số gỗ này cất giấu tại bến ca nô số 3 của lòng hồ thủy điện A. Tiếp tục ngày 28/3/2018, P1, B1, T2 và H4 vận chuyên được 08 (tám) phách gỗ Gõ Đỏ ra đến điểm tập kết gỗ trước đó, tương tự như lần trước, P1 điện báo cho T1 biết. T1 cùng Đ chạy xe mô tô vào chờ 08 (tám) phách gỗ này về xưởng gỗ của ông Trần Văn H2 tại thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và cả hai quay lại bến ca nô số 3 của lòng hồ Thủy điện A chờ tiếp 04 (bốn) phách gỗ Gõ Đỏ về xưởng gỗ ông H2. T1 và Đ chở 12 (mười hai) phách gỗ Gõ Đỏ về xưởng ông H2, còn lại 04 (bốn) phách gỗ Gõ Đỏ vẫn để tại bến ca nô số 3 chưa chở về, khi về đến nhà T1 đưa cho Đ số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng tiền công của Đ chở gỗ. Ngày 29/3/2018, P1, B1, T2 và H4 đến vị trí cây gỗ Giỏi hạ ngày 25/3/2018 (trước đó T1, Đ xẻ được 02 phách) T2, H4 gửi 02 (hai) phách gỗ Giỏi này lên đỉnh đồi, B1 phụ kê, dọn và búng mực, còn P1 xẻ các lóng gỗ Giỏi còn lại được 04 (bốn) phách. Vào ngày 30/3/2018, P1 và B1 lên vị trí cây gỗ Giỏi trên đồi cách lán trại khoảng 50m (năm mươi mét) B1 phụ kê, dùng dao phát dọn xung quanh cây gỗ, sau đó P1 sử dụng cưa máy cưa đổ cây gỗ Giỏi và cắt cây gỗ ra thành 03 (ba) lóng, T2 và H4 tiếp tục gửi 04 (bốn) phách gỗ Giỏi mà P1 và B1 xẻ vào ngày 29/3/2018 lên đỉnh đồi. Ngày 31/3/2018, P1, B1, T2, H4 cùng nhau lên vị trí 03 (ba) lóng gỗ Giỏi mà P1 và B1 đã cưa hạ trước đó, rồi cùng nhau kê, chỉnh vị trí các lóng gỗ và xẻ được 06 (sáu) phách gỗ rồi về lán trại nghỉ ngơi. Ngày 01/4/2018, P1, B1, T2 và H4 cùng gửi 04 (bốn) phách gỗ Giỏi từ đỉnh đồi ra vị trí tập kết gỗ, rồi P1 điện thoại báo T1 biết. T1 với Đ chạy xe mô tô đến điểm có cổng chắn Barie thì Đ ở lại canh chừng Kiểm lâm tuần tra, còn T1 chạy xe mô tô vào điểm tập kết và chở 04 (bốn) phách gỗ Giỏi về cất giấu tại bến ca nô số 3 cùng vị trí với 04 (bốn) phách gỗ Gõ Đỏ, lần này T1 đưa cho P1 số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng để trả tiền công cho nhóm P1 và đưa cho Đ 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng (trả tiền công chuyên đi). Ngày 02/4/2018, T2 và H4 vận chuyên 06 (sáu) phách gỗ Giỏi mà P1, B1 xẻ ngày 31/3/2018 về lán trại. P1, B1 tiếp tục xẻ lóng gỗ Giỏi còn lại được 06 (sáu) phách gỗ. Sáng ngày 03/4/2018, P1, B1, T2, H4 nghỉ ngơi tại lán trại, đến chiều cùng ngày 04 (bốn) người cùng nhau vận chuyên 04 (bốn) phách gỗ Giỏi này lên đỉnh đồi. Khoảng 13 giờ cùng ngày thì bị Tổ công tác Ban QLRPH A kết hợp cùng Nhóm bảo vệ rừng của thôn A, xã M tiến hành tuần tra bảo vệ rừng phát hiện và yêu cầu dừng lại để kiểm tra giấy tờ thì P1, B1, H4 bỏ chạy, còn T2 bị bắt giữ và làm việc với các cơ quan chức năng. P1, B1, H4 bỏ chạy ra ngoài bìa rừng và điện thoại báo cho T1 biết sự việc, nghe vậy T1 nói với P1 “Cứ ở đó đợi đi sẽ có người đến đón”. Khoảng 30 phút sau, Đ chạy xe mô tô vào, chở P1, B1, H4, đến đoạn đường bê tông gần rẫy keo dừng lại cho ba người xuống, còn mình thì chạy xe về nhà T1 lấy tư trang của P1, B1, H4, rồi quay lại chở cả ba người qua

huyện N. Lúc này, T1 nhờ Đ đưa số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng cho P1 và ngay trong đêm ngày 03/4/2018 P1, B1, H4 đón xe về Quảng Bình.

Theo các Biên bản xác định gỗ và lời khai của T1, P1, Đ, B1 và T2. Tổng số gỗ đã được vận chuyển ra khỏi nơi khai thác là 26 (hai mươi sáu) phách gỗ.

Trong đó, số gỗ hiện đang tạm giữ tại Cơ quan cảnh sát điều tra (sau đây viết tắt là Cơ quan CSĐT) Công an huyện Đ: 06 (sáu) phách gỗ Giổi có khối lượng 0,403m³ (không phải bốn không ba mét khối) do Tổ công tác quản lý bảo vệ rừng phòng hộ A phát hiện, tạm giữ số gỗ này vào ngày 03/4/2018; còn 08 (tám) phách gỗ (gồm 04 phách gỗ Gõ Đỏ, 04 phách gỗ Giổi) để tại bên ca nô số 3 của lòng hồ thủy điện A không tìm thấy; 12 (mười hai) phách gỗ Gõ Đỏ (để tại xưởng gỗ của ông H2 tại thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam) thì vào khoảng tháng 3/2018, T1 bán 10 (mười) phách gỗ cho ông Nguyễn Văn K (trú tại thôn T, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam) với giá 12.000.000 (mười hai triệu) đồng. Ngày 31/3/2018, T1 bán 02 (hai) phách cho ông Cao Văn P2 (trú tại thôn K, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam) với giá 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Qua điều tra xác định: Ông P2 và K khai có mua gỗ của T1, cụ thể: Ngày 31/3/2018, khi đang ngồi tại quán uống cà phê thuộc thôn A, xã M, P2 gặp T1 thì T1 nói mình có một số phách gỗ Gõ Đỏ cần bán, P2 hỏi mua 02 (hai) phách gỗ. T1 dẫn P2 đến xưởng của ông H2, ông P2 tự đo quy cách 02 (hai) phách gỗ, cụ thể là: 01 (một) phách gỗ Gõ Đỏ có chiều dài 2m (hai mét), rộng 35cm (ba mươi lăm centimét), dày 10cm (mười centimét); 01 (một) phách gỗ Gõ Đỏ có chiều dài 2m (hai mét), rộng 30cm (ba mươi centimét), dày 12cm (mười hai centimét); P2 đưa cho T1 số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng và dùng xe mô tô mang biển số 18F8-6965 của mình chở về nhà (T1 không còn nhớ khối lượng gỗ đã bán). Sau đó P2 đã dùng số gỗ này đóng thành bộ bàn ghế và bán cho một người không rõ họ tên với giá 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Khoảng tháng 3/2018, K vào nhà ông H2 chơi, thì thấy sau vườn nhà ông H2 có 10 (mười) phách gỗ, lúc này ông H2 không có ở nhà nên khi hỏi một người dân địa phương thì K biết đây là số gỗ của T1, K đi tìm T1 và hỏi mua lại 10 (mười) phách gỗ Gõ Đỏ này, theo T1 là khối lượng khoảng 0,4 m³ (không phải bốn mét khối) với giá 12.000.000 (mười hai triệu) đồng. Ông K sử dụng máy cưa vánh tại nhà ông H2 để xẻ ra thành các phách gỗ nhỏ, sau đó K đón xe tải chở hết số phách gỗ trên về nhà và đóng thành bộ bàn ghế rồi bán cho một người làm công nhân cầu đường (không nhớ họ tên) với giá 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Vật chứng thu giữ được bao gồm:

- 06 (sáu) phách gỗ Giổi nhóm III có khối lượng 0,403m³ (không phải bốn không ba mét khối) do Tổ công tác bảo vệ rừng phòng hộ A thu giữ ngày 03/4/2018 và đã bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tạm giữ ngày 31/5/2018.

- 01 (một) dây dù màu xanh dài 03m (ba mét); 02 (hai) dây vải màu xanh dài 1,15m (một phẩy mười lăm mét) là công cụ sử dụng khi vận chuyển gỗ của Đinh Xuân T2.

- 03 (ba) mẫu gỗ được cưa từ các gốc chặt được ký hiệu theo số thứ tự 01, 02, 03 kèm theo ký hiệu ngày khám nghiệm hiện trường 12/4/2018 (khám nghiệm hiện trường ngày 12/4/2018).

- 12 (mười hai) phách gỗ Giổi nhóm III có khối lượng 1,138 m³ (một phẩy một ba tám mét khối); 07 (bảy) lóng gỗ tròn có khối lượng 4,094 m³ (bốn phẩy

không chín bốn mét khối), bao gồm: gỗ Giổi 06 (sáu) lóng có khối lượng 3,868 m³ (ba phẩy tám sáu tám mét khối), gỗ Gõ Đỏ 01 (một) lóng có khối lượng 0,226 m³ (không phẩy hai hai sáu mét khối) còn tại hiện trường, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ A quản lý và bảo.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha màu sơn đỏ - đen mang biển số: 92F6-1967 số khung RLHHC09037Y205868, số máy HC09E5305938, ngày đăng ký lần đầu 05/3/2007 của T1 (là phương tiện sử dụng đi khai thác và vận chuyển gỗ rừng). Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Công an huyện Đ.

- 01 (một) cửa máy nhãn hiệu STIHL MS381 thân máy có ba màu vàng trắng đen, lưỡi lam bằng kim loại dài 80 cm của T1 (là công cụ sử dụng để cưa gỗ). Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Công an huyện Đ.

- 03 (ba) sim điện thoại (cụ thể: T1 có số thuê bao là 0969678545, P1 có số thuê bao là 01655748710, Đ có số thuê bao là 0974464152.

Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius màu đen, mang BKS 92T1-018.79 của Đ bán cho một người đàn ông không rõ tên tuổi ở xã L, huyện N, tỉnh Quảng Nam, tại hồ sơ Đ khai bán để chi trả tiền viện phí cho con trai hiện chưa tìm thấy.

Đối với 03 (ba) chiếc điện thoại không rõ chủng loại của T1, P1, Đ quá trình sử dụng bị hỏng đã vứt bỏ trong rừng; 01 (một) con dao dùng để phát dọn cây cỏ khi cưa gỗ và mở đường đi của B1 để trong rừng. Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Cơ quan điều tra xác định hiện trường các bị cáo khai thác gỗ trái phép thuộc K 3 T 163 là rừng phòng hộ tự nhiên thuộc địa bàn thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam do Ban QLPH A quản lý. Các cây gỗ bị chặt hạ gồm có:

- Tại gốc chặt số 01, loại gỗ Giổi (nhóm III) đường kính gốc 83cm (tám mươi ba centimét) chiều cao bình quân 28,0m (hai mươi tám phẩy không mét). Tổng khối lượng cây đứng 5,400m³ (năm phẩy bốn không không mét khối).

- Tại gốc chặt số 02, loại gỗ Gõ Đỏ (nhóm IIA) đường kính gốc 52cm (năm mươi hai centimét) chiều cao bình quân 23,3m (hai mươi ba phẩy ba mét). Tổng khối lượng cây đứng 1,966m³ (một phẩy chín sáu sáu mét khối).

- Tại gốc chặt số 03, loại gỗ Giổi (nhóm III) đường kính gốc 80cm (tám mươi centimét) chiều cao bình quân 28,0m (hai mươi tám phẩy không mét), khối lượng cây đứng 5,400m³ (năm phẩy bốn không không mét khối).

Tại bản kết luận ngày 04/10/2018, Hội đồng định giá (sau đây viết tắt là HĐĐG) tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Đối với 02 (hai) cây gỗ Giổi (nhóm III) có tổng sản lượng cây đứng là 10,800m³ (mười phẩy tám không không mét khối) có giá trị 75.600.000 (bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn) đồng; 01 (một) cây gỗ Gõ Đỏ có sản lượng cây đứng 1,966m³ (một phẩy chín sáu sáu mét khối) có giá trị 11.796.000 (mười một triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn) đồng. Tổng giá trị 03 (ba) cây gỗ bị thiệt hại về lâm sản là 87.396.000 (tám mươi bảy triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn) đồng, và giá trị thiệt hại về môi trường tương ứng cho từng loại cây gỗ bị chặt hạ là 349.584.000 (ba trăm bốn mươi chín triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn) đồng.

Đối với vật chứng, tại bản kết luận ngày 08/10/2018, HĐĐG tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 06 (sáu) phách gỗ Giổi có khối lượng là 0,403m³ (không phẩy bốn không ba mét khối) có giá trị là 4.634.500 (bốn triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm) đồng; 04 (bốn) phách gỗ Giổi có khối lượng là 0,636m³ (không phẩy sáu ba sáu mét khối) có giá trị là 7.314.000 (bảy triệu ba trăm mười

bốn nghìn) đồng; 02 (hai) lóng gỗ Giổi có khối lượng là $0,738\text{m}^3$ (không phải bảy ba tám mét khối) có giá trị là 5.166.000 (năm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng; 01 (một) lóng gỗ Gõ Đỏ có khối lượng là $0,226\text{m}^3$ (không phải hai hai sáu mét khối) có giá trị là 1.130.000 (một triệu một trăm ba mươi nghìn) đồng; 04 (bốn) lóng gỗ Giổi có khối lượng là $3,130\text{m}^3$ (ba phẩy một ba không mét khối) có giá trị là 21.910.000 (hai mươi một triệu chín trăm mười nghìn) đồng; 08 (tám) phách gỗ Giổi có khối lượng là $0,502\text{m}^3$ (không phẩy năm không hai mét khối) có giá trị là 5.775.300 (năm triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm) đồng. Tổng giá trị tài sản 45.929.800 (bốn mươi lăm triệu chín trăm hai mươi chín nghìn tám trăm) đồng.

Tại bản kết luận ngày 08/10/2018, HĐĐG tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 92F6-1967 trị giá là 3.558.000 (ba triệu năm trăm năm mươi tám nghìn) đồng; 01 (một) cưa máy nhãn hiệu STIHL MS381 màu sắc vàng trắng đen đã cũ, có lưỡi lam dài 80 cm có giá trị 1.025.000 (một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn) đồng. Tổng giá trị tài sản 4.583.000 (bốn triệu năm trăm tám mươi ba nghìn) đồng.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cụ thể: Bị cáo P1 đã nộp 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, bị cáo B1 đã nộp 10.000.000 (mười triệu) đồng, bị cáo Đ đã nộp 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng, bị cáo T1 đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng; Bị cáo T2 đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Tại phiên tòa bị cáo T1, P1 khai nhận khoảng tháng 02/2018 bị cáo có điện thoại cho bị cáo P1 khai thác gỗ trái phép tại K 3 T163 rừng phòng hộ tự nhiên. Theo kế hoạch đã bàn bạc từ ngày 22/3/2018 đến ngày 03/4/2018 các bị cáo tiến hành khai thác thì bị Tổ công tác Ban QLRPH A kết hợp cùng Nhóm bảo vệ rừng của thôn A, xã M đang tuần tra bảo vệ rừng phát hiện, bắt giữ. Các bị cáo khai nhận đã cùng nhau cưa xẻ 01 (một) cây gỗ Gõ Đỏ (không xác định được đối tượng đã chặt hạ) và chặt hạ 02 (hai) cây gỗ Giổi, cưa xẻ ra được 26 (hai mươi sáu) phách gỗ vận chuyển và cất giấu tại bên ca nô số 3 lòng hồ Thủy điện A. Ngoài ra, bị cáo P1 khai rằng đã nhận tiền công 7.000.000 (bảy triệu) đồng dùng toàn bộ số tiền này mua lương thực thực phẩm và số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng mà bị cáo T1 nhờ Đ đưa dùm để P1, B1 và H4 bắt xe về Quảng Bình, số tiền này P1 chia đều cho bị cáo B1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H4 mỗi người 500.000 (năm trăm nghìn) đồng. Bị cáo Đ còn khai nhận đã bán chiếc xe xe mô tô hiệu Sirius màu đen, biển số 92T1-018.79 với giá 5.000.000 (năm triệu) đồng, đây là tài sản Đ mua trong thời kỳ hôn nhân. Lời khai của các bị cáo B1, T2 và Đ đều phù hợp với lời khai của bị cáo T1 và P1.

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn dân sự xác định lại khu vực các bị cáo tổ chức khai thác gỗ trái phép tại K 3 T163 là rừng phòng hộ tự nhiên có chức năng phòng hộ thuộc Ban QLRPH A quản lý. Yêu cầu các bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại giá trị số cây gỗ bị chặt hạ trái phép và giá trị thiệt hại về môi trường theo kết luận định giá của HĐĐG để tái tạo môi trường rừng. Tại đơn xin bồi thường thiệt hại tài nguyên rừng ngày 01/11/2018 nguyên đơn dân sự chỉ yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại về lâm sản và môi trường của 02 (hai) cây gỗ Giổi có tổng giá trị 378.000.000 (ba trăm bảy mươi tám triệu) đồng; trong đó, giá trị thiệt hại về lâm sản 75.600.000 (bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn) đồng, giá trị thiệt hại về môi trường là 302.400.000 (ba trăm lẻ hai triệu bốn trăm nghìn) đồng. Riêng đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Thanh

H4 mặc dù tham gia vận chuyển gỗ khai thác trái phép nhưng trước, trong và sau khi thực hiện hành vi ông H4 bị tâm thần mất khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi nên Ban QLRPH A không yêu cầu ông H4 bồi thường thiệt hại.

Tại bản Cáo trạng số: 02/CT-VKSĐG ngày 10/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ (sau đây viết tắt là VKSND) truy tố các bị cáo T1, P1, T2, B1 và Đ về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Riêng đối với ông Đinh Thanh H4 (sinh năm 1970, trú tại thôn CI, xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình) theo Kết luận số 904/KLGĐTC ngày 02/10/2018 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền Trung, kết luận trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội khai thác cây gỗ rừng trái phép và hiện tại bị bệnh tâm thần phân liệt thể không biệt định, tiến triển từng giai đoạn với thiếu sót tăng dần, mất khả năng nhận thức và mất khả năng điều khiển hành vi (chưa có Quyết định của Tòa án tuyên bố ông H4 mất năng lực hành vi dân sự), nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H4 là thỏa đáng. Đối với ông Trần Văn H2, trong thời gian T1 để 12 (mười hai) phách gỗ Gõ Đỏ tại xưởng gỗ của mình, ông H2 không có mặt tại xưởng và cũng không biết sự việc này, nên không xử lý đối với ông H2. Đối với ông Cao Văn P2 và ông Nguyễn Văn K, trong quá trình mua gỗ của T1, ông P2 và ông K không biết đây là số gỗ Gõ Đỏ do T1 khai thác trái phép và cũng không thu giữ số gỗ đã mua, nên không có cơ sở để xử lý đối với hành vi của ông K và ông P2.

Đối với 01 chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 92F6-1967, qua điều tra xác định chiếc xe này do ông Đặng Ngọc H3 (sinh năm 1989, trú tại:T5, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam) là chủ sở hữu. Theo đơn trình báo của ông H3 thì chiếc xe này bị mất vào năm 2013 tại khu vực cầu Nguyễn Tri Phương thuộc quận C, thành phố Đ. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tách ra và chuyển cho Cơ quan CSĐT Công an quận C, thành phố Đ xử lý theo thẩm quyền.

Đối với các cán bộ làm công tác quản lý, bảo vệ rừng của Ban QLRPH A trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ đã thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra việc khai thác trái phép cây rừng thuộc địa phận quản lý của mình trong một thời gian dài, gây hậu nghiêm trọng đến sự cân bằng môi trường sinh thái, xâm phạm đến tài nguyên rừng. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tách ra và tiếp tục điều tra làm rõ mức độ vi phạm để xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, qua phần xét hỏi và tranh luận công khai, trên cơ sở đánh giá toàn bộ nội dung vụ án xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đại diện VKSND huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) áp dụng Điểm d Khoản 1 Điều 232; Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo T1; đối với các bị cáo P1, B1, T2, Đ áp dụng thêm Điều 65 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị HĐXX tuyên phạt: Bị cáo T1 tù 12-15 tháng tù; Bị cáo P1 tù 09-12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18-24 tháng; Bị cáo B1, T2 và Đ tù 06-09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12-18 tháng.

*** Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại:** Căn cứ Khoản 1 Điều 48 BLHS 2015, Điều 288, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự (sau đây viết tắt là

BLDS) 2015 đề nghị HĐXX tuyên buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Ban QLRPH A các khoản về giá trị 02 (hai) cây gỗ Giổi đã bị chặt hạ (theo đơn xin bồi thường thiệt hại tài nguyên rừng ngày 01/11/2018) và giá trị thiệt hại về môi trường theo kết luận của Hội đồng định giá với số tiền 378.000.000 (ba trăm bảy mươi tám triệu) đồng. Các bị cáo P1 đã nộp 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, bị cáo B1 đã nộp 10.000.000 (mười triệu) đồng, bị cáo Đ đã nộp 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng, bị cáo T1 đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng, bị cáo T2 đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ nên được khấu trừ trong số tiền phải bồi thường cho Ban QLRPH A.

*** Về xử lý vật chứng:** Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt BLTTHS) năm 2015.

- Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

+ 06 (sáu) phách gỗ Giổi nhóm III có khối lượng 0,403m³ (không phải bốn không ba mét khối) do Tổ công tác bảo vệ rừng phòng hộ A thu giữ ngày 03/4/2018 và đã bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tạm giữ ngày 31/5/2018.

+ 12 (mười hai) phách gỗ Giổi nhóm III có khối lượng 1,138 m³ (một phẩy một ba tám mét khối); 07 (bảy) lóng gỗ tròn có khối lượng 4,094 m³ (bốn phẩy không chín bốn mét khối), bao gồm: gỗ Giổi 06 (sáu) lóng có khối lượng 3,868 m³ (ba phẩy tám sáu tám mét khối), gỗ Gõ Đỏ 01 (một) lóng có khối lượng 0,226 m³ (không phẩy hai hai sáu mét khối) còn tại hiện trường, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã giao cho Ban QLRPH A quản lý và bảo quản.

+ 01 (một) cửa máy nhãn hiệu STIHL MS381 thân máy có ba màu vàng trắng đen, lưỡi lam bằng kim loại dài 80 cm của T1 (là công cụ sử dụng để cưa gỗ). Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Công an huyện Đ.

+ Truy thu số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội của bị cáo P1 số tiền 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, trong đó 7.000.000 (bảy triệu) đồng là tiền công T1 đưa cho nhóm P1 vào ngày 01/4/2018, P1 dùng toàn bộ số tiền này để mua lương thực thực phẩm và 500.000 (năm trăm nghìn) đồng mà T1 nhờ Đ đưa cho P1 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng vào tối ngày 03/4/2018 để về Quảng Bình, P1 chia đều cho cả ba người P1, B1 và H4 mỗi người 500.000 (năm trăm nghìn) đồng. Truy thu từ bị cáo B1 số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, bị cáo Đ số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng tiền công T1 trả cho Đ vào các ngày 26/3/2018, 28/3/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H4 số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

+ Truy thu 50% số tiền bán chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đen, biển số 92T1-018.79 của bị cáo Đ là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng (vì chiếc xe là tài sản chung của vợ chồng Đ và D). Đây là phương tiện Đ sử dụng để khai thác và vận chuyển gỗ trái phép.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (một) dây dù màu xanh dài 03m (ba mét); 02 (hai) dây vải màu xanh dài 1,15m (một phẩy mười lăm mét) là công cụ sử dụng khi vận chuyển gỗ của Đinh Xuân T2.

+ 03 (ba) mẫu gỗ được cưa từ các góc chặt được ký hiệu theo số thứ tự 01, 02, 03 kèm theo ký hiệu ngày khám nghiệm hiện trường 12/4/2018 (khám nghiệm hiện trường ngày 12/4/2018).

+ 03 (ba) sim điện thoại (cụ thể: T1 có số thuê bao là 0969678545, P1 có số

thuê bao là 01655748710, Đ có số thuê bao là 0974464152) các bị cáo dùng để liên lạc với nhau trong quá trình khai thác gỗ trái phép.

* Ngoài ra, vật chứng còn lại, cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tách ra như sau: 01 chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 92F6-1967, qua điều tra xác định chiếc xe này do ông H3 (sinh năm 1989, trú tại: T5, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam) là chủ sở hữu. Theo đơn trình báo của ông H3 thì chiếc xe này bị mất vào năm 2013 tại khu vực cầu Nguyễn Tri Phương thuộc quận C, thành phố Đ. Vì vậy, cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tách ra và chuyển cho cơ quan CSĐT Công an quận C, thành phố Đ xử lý theo thẩm quyền.

Nguyên đơn dân sự thống nhất với ý kiến của Kiểm sát viên về phần hình phạt và phần liên đới bồi thường thiệt hại của các bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo đã nhận thấy được hành vi phạm tội của mình. Đề nghị HĐXX xem xét hoàn cảnh bản thân và gia đình để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo có điều kiện sớm hòa nhập với cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, Điều tra viên, VKSND huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, nguyên đơn dân sự và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo T1, P1, B1, T2 và Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản sự việc và biên bản khám nghiệm hiện trường; phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, đánh giá tranh luận công khai tại phiên tòa.

Vào khoảng tháng 2 năm 2018, T1 điện thoại cho P1 để vào rừng khai thác gỗ thuê cho T1. Nghe vậy, P1 đồng ý rồi rủ B1, T2 cùng đi khai thác cây gỗ rừng, riêng H4 bị bệnh tâm thần xin đi theo. T1 rủ Đ cùng tham gia việc khai thác cây gỗ rừng. Liên tục trong thời gian từ ngày 22/3/2018 đến ngày 03/4/2018, tại khu rừng phòng hộ rừng tự nhiên tại K3 T163 do Ban QLRPH A làm chủ rừng (theo Quyết định 4379/QĐ-UBND ngày 13/12/2016, thì vị trí các gốc cây gỗ trên thuộc lâm phận Ban QLRPH A). Mặc dù biết việc khai thác cây gỗ rừng là trái phép nhưng các bị cáo T1, P1, B1, T2, Đ đã có sự bàn bạc, thống nhất với nhau cùng khai thác trái phép 02 (hai) cây gỗ Giổi nhóm III có tổng khối lượng gỗ tròn (sản lượng cây đứng) là 10,800m³ (mười phẩy tám không không mét khối). Riêng 01 (một) cây gỗ Gõ Đỏ nhóm IIA đã bị chặt hạ trước đó (không xác định được đối tượng đã chặt hạ) có sản lượng cây đứng là 1,966 m³ (một phẩy chín sáu sáu mét khối) các bị cáo đã cưa và lấy đi 16 (mười sáu) phách Gõ Đỏ (không xác định được khối lượng gỗ). Theo kết luận của HĐĐG tài sản huyện Đ ngày 04/10/2018 thiệt hại các bị cáo gây ra có tổng giá trị là 436.980.000 (bốn trăm ba mươi sáu triệu chín trăm tám mươi

ngàn) đồng, trong đó giá trị về lâm sản là 87.396.000 (tám mươi bảy triệu ba trăm chín mươi sáu ngàn) đồng, giá trị thiệt hại về môi trường là 349.584.000 (ba trăm bốn mươi chín triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn) đồng.

Do đó, HĐXX xét thấy có đủ cơ sở khẳng định VKSND huyện Đ truy tố các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo Điều 1 Khoản 1 Điều 232 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về năng lực chịu trách nhiệm hình sự thì thấy: Các bị cáo T1, P1, B1, T2 và Đ là người trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, hiểu biết pháp luật. Các bị cáo biết rằng khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật và biết vị trí khai thác gỗ là rừng phòng hộ tự nhiên, nhưng vì mục đích kiếm tiền, xem thường pháp luật cho nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Xét tính chất vụ án là trật tự quản lý kinh tế được Nhà nước bảo vệ và yêu cầu mọi người phải tôn trọng. Các bị cáo T1, P1, B1, T2 và Đ đã có sự bàn bạc, thống nhất khai thác gỗ trái phép rừng phòng hộ rừng tự nhiên, gây thiệt hại lớn đến tài sản Nhà nước, làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, xâm phạm đến tài nguyên rừng. Tuy các bị cáo phạm tội lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng, nhưng HĐXX xét thấy cần phải tuyên mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét vai trò của từng bị cáo thì thấy mỗi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ở mức độ có khác nhau:

Quá trình khai thác gỗ bị cáo T1, P1, B1, T2 và Đ đã có sự thống nhất, chuẩn bị các công cụ phương tiện để thực hiện hành vi khai thác trái phép cây gỗ rừng, trong đó: Bị cáo T1 là người khởi xướng, chủ mưu về mặt tinh thần gây ra việc thực hiện tội phạm, T1 rủ P1 thỏa thuận về giá cả khai thác gỗ, chuẩn bị xe mô tô, máy cưa lốc và 10 (mười) lít xăng, T1 còn tham gia xẻ gỗ và vận chuyển gỗ. Bị cáo P1 với vai trò là người thực hành và là người rủ T2, B1 cùng tham gia, P1 là người cưa hạ 02 (hai) cây gỗ Giổi, xẻ 03 (ba) cây gỗ thành phách, vận chuyển gỗ về nơi tập kết. Bị cáo Đ tham gia với vai trò là người giúp sức sau khi nghe Thọ rủ tham gia vận chuyển gỗ, Đ đồng ý. Đức còn chuẩn bị xe mô tô phương tiện vận chuyển gỗ, kê, dọn, búng mực để bị cáo T1 xẻ gỗ. Còn B1, T2 tham gia với vai trò là người giúp sức vận chuyển gỗ về vị trí tập kết, T2 còn phụ P1 kê dọn và búng mực.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy:

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi hoàn toàn cố ý, tội phạm được thực hiện là tội ít nghiêm trọng. Bị cáo T1 và Đ có nhân thân không tốt (ngày 25/5/2015 bị cáo T1 bị Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xử lý vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000; Ngày 15/9/2010 bị cáo Đ bị Công an huyện N, tỉnh Quảng Nam xử lý vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích với số tiền 1.500.000). Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hối hận về hành vi của mình gây ra. Ngoài ra, HĐXX nhận thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, vợ không có việc làm ổn định, đều có con nhỏ dại. Bị cáo P1 thuộc diện hộ cận nghèo, có mẹ ruột là Cao Thị Đ được tặng Huy chương kháng chiến

hạng nhì; Bị cáo B1 thuộc diện hộ nghèo, có cha là Cao Bá T được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba; Bị cáo Đ có ông nội là Đinh Văn X được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, Huân chương chiến thắng hạng ba, có bà nội là Nguyễn Thị B được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì, có ông ngoại là Trần D được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, Huy chương kháng chiến hạng nhất. Do vậy, HĐXX thấy cần thiết áp dụng những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho các bị cáo để xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt là thỏa đáng.

[7] Xét tính chất, hậu quả hành vi: HĐXX nhận thấy phải áp dụng hình phạt để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) áp dụng hình phạt tương xứng với vai trò của từng bị cáo. Áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo T1 mới không làm ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội. Đối với bị cáo P1 với vai trò người thực hành, B1, T2 và Đ với vai trò người giúp sức đều có nơi cư trú rõ ràng nên không nhất thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tổng thiệt hại do các bị cáo gây ra là 436.980.000 (bốn trăm ba mươi sáu triệu chín trăm tám mươi nghìn) đồng, trong đó giá trị về lâm sản là 87.396.000 (tám mươi bảy triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn) đồng, giá trị thiệt hại về môi trường là 349.584.000 (ba trăm bốn mươi chín triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn) đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn dân sự giữ nguyên yêu cầu, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường giá trị thiệt hại về lâm sản và môi trường của 02 (hai) cây gỗ Giổi (theo kết quả khám nghiệm hiện trường) có tổng giá trị là 378.000.000 (ba trăm bảy mươi tám triệu) đồng. Trong đó, giá trị thiệt hại về lâm sản 75.600.000 (bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn) đồng, giá trị thiệt hại về môi trường là 302.400.000 (ba trăm lẻ hai triệu bốn trăm nghìn) đồng. Riêng cây gỗ Gỗ Đỏ không yêu cầu bồi thường. Đồng thời, Ban QLRP A không yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H4 bồi thường thiệt hại trên theo Kết luận số 904/KLGĐTC ngày 02/10/2018 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền Trung, kết luận trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội khai thác cây gỗ rừng trái phép và hiện tại bị bệnh tâm thần phân liệt thể không biệt định, tiến triển từng giai đoạn với thiếu sót tăng dần, mất khả năng nhận thức và mất khả năng điều khiển hành vi (chưa có Quyết định của Tòa án tuyên bố ông H4 mất năng lực hành vi dân sự). HĐXX xét thấy yêu cầu bồi thường của Ban QLRP A phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại Khoản 1 Điều 288, Điều 584, Điều 589 BLDS năm 2015 nên chấp nhận. HĐXX buộc bị cáo T1, P1, B1, T2, Đ phải liên đới bồi thường. Trong đó, T1 với vai trò chủ mưu, P1 với vai trò người thực hành, B1, T2 và Đ với vai trò người giúp sức nên chia phần bồi thường theo tỷ lệ 5:2:1:1:1, cụ thể: Bị cáo T1 bồi thường số tiền 189.000.000 (một trăm tám mươi chín triệu) đồng; Bị cáo P1 bồi thường số tiền 75.600.000 (bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn) đồng; Bị cáo B1 bồi thường số tiền 37.800.000 (ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn) đồng; Bị cáo T2 bồi thường số tiền 37.800.000 (ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn) đồng; Bị cáo Đ bồi thường số tiền 37.800.000 (ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn) đồng. Bị cáo T1 đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng; Bị cáo P1 đã nộp 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng; Bị cáo B1 đã nộp 10.000.000 (mười triệu) đồng; Bị cáo T2 đã nộp

5.000.000 (năm triệu) đồng; Bị cáo Đ đã nộp 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng nên được trừ vào số tiền trên.

[9] Về vật chứng:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ 06 (sáu) phách gỗ Giổi nhóm III có khối lượng 0,403m³ (không phẩy bốn không ba mét khối) do Tổ công tác bảo vệ rừng rừng phòng hộ A thu giữ ngày 03/4/2018 và đã bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tạm giữ ngày 31/5/2018.

+ 12 (mười hai) phách gỗ Giổi nhóm III có khối lượng 1,138 m³ (một phẩy một ba tám mét khối); 07 (bảy) lóng gỗ tròn có khối lượng 4,094 m³ (bốn phẩy không chín bốn mét khối), bao gồm: gỗ Giổi 06 (sáu) lóng có khối lượng 3,868 m³ (ba phẩy tám sáu tám mét khối), gỗ Gõ Đỏ 01 (một) lóng có khối lượng 0,226 m³ (không phẩy hai hai sáu mét khối) còn tại hiện trường, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ A quản lý và bảo.

+ 01 (một) cửa máy nhãn hiệu STIHL MS381 thân máy có ba màu vàng trắng đen, lưỡi lam bằng kim loại dài 80cm (tám mươi centimét) của Nguyễn Thành T1 (là công cụ sử dụng để cưa gỗ). Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Công an huyện Đ.

+ Truy thu số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội từ bị cáo Đinh Thanh P1 số tiền 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, trong đó 7.000.000 (bảy triệu) đồng là tiền công T1 đưa cho nhóm P1 vào ngày 01/4/2018, P1 dùng toàn bộ số tiền này để mua lương thực thực phẩm và 500.000 (năm trăm nghìn) đồng mà T1 nhờ Đ đưa cho P1 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng vào tối ngày 03/4/2018 để về Quảng Bình, P1 chia đều cho cả ba người P1, B1 và H4 mỗi người 500.000 (năm trăm nghìn) đồng. Truy thu từ bị cáo Cao Văn B1 số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, bị cáo Đinh Văn Đ số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng tiền công T1 trả cho Đ vào các ngày 26/3/2018, 28/3/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Thanh H4 số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

+ Truy thu 50% số tiền bán chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đen, biển số 92T1-018.79 của bị cáo Đinh Văn Đ là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng (vì chiếc xe là tài sản chung của vợ chồng Đinh Văn Đ và Nguyễn Thị D). Đây là phương tiện Đ sử dụng đi khai thác và vận chuyển gỗ trái phép.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) dây dù màu xanh dài 03m (ba mét); 02 (hai) dây vải màu xanh dài 1,15m (một phẩy mười lăm mét) là công cụ sử dụng khi vận chuyển gỗ của Đinh Xuân T2.

+ 03 (ba) mẫu gỗ được cưa từ các gốc chặt được ký hiệu theo số thứ tự 01, 02, 03 kèm theo ký hiệu ngày khám nghiệm hiện trường 12/4/2018.

+ 03 (ba) sim điện thoại (cụ thể: Nguyễn Thành T1 có số thuê bao là 0969678545, Đinh Thanh P1 có số thuê bao là 01655748710, Đinh Văn Đ có số thuê bao là 0974464152) các bị cáo dùng để liên lạc với nhau trong quá trình khai thác gỗ trái phép.

* Ngoài ra, vật chứng còn lại, cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tách ra như sau: 01 (một) chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 92F6-1967, qua điều tra xác định chiếc xe này do ông Đặng Ngọc H3 (sinh năm 1989, trú tại T5, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam) là chủ sở hữu. Theo đơn trình báo của ông Hưng thì chiếc xe này bị mất vào năm 2013 tại khu vực cầu Nguyễn Tri Phương thuộc quận C, thành phố

Đ. Vì vậy, cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tách ra và chuyển cho cơ quan CSĐT Công an quận C, thành phố Đà Nẵng xử lý theo thẩm quyền. Hiện vật chứng đang tạm giữ tại Công an huyện Đ.

Đối với 03 (ba) chiếc điện thoại không rõ chủng loại của T1, P1, Đ quá trình sử dụng bị hỏng đã vứt bỏ trong rừng; 01 (một) con dao dùng để phát dọn cây cỏ khi cưa gỗ và mở đường đi của Bắc đẽ trong rừng. Cơ quan điều tra không thu giữ được, nên không xét đến.

[9] Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Thành T1, Đinh Xuân T2, Đinh Văn Đ phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thành T1 phải chịu 9.200.000 (chín triệu hai trăm nghìn) đồng ($184.000.000đ \times 5\% = 9.200.000đ$); Bị cáo Đinh Xuân T2 phải chịu 1.640.000 (một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng ($32.800.000đ \times 5\% = 1.640.000đ$); Bị cáo Đinh Văn Đ phải chịu 1.765.000 (một triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng ($35.300.000đ \times 5\% = 1.765.000đ$).

Riêng bị cáo Đinh Thanh P1 thuộc hộ cận nghèo theo Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số 166/GCN-HN.HCN ngày 06/4/2017 của Ủy ban nhân dân xã X, bị cáo Cao Văn B1 thuộc hộ nghèo theo Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số 140/GCN-HN.HCN ngày 18/4/2017 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình nên được miễn toàn bộ án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều d Khoản 1 Điều 232; Điều b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho các bị cáo Nguyễn Thành T1, Đinh Thanh P1, Cao Văn B1, Đinh Xuân T2 và Đinh Văn Đ; đối với các bị cáo Đinh Thanh P1, Cao Văn B1, Đinh Văn Đ, Đinh Xuân T2 căn cứ thêm Điều 65 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

I/ Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thành T1, Đinh Thanh P1, Cao Văn B1, Đinh Văn Đ, Đinh Xuân T2 phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T1 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù kể từ ngày đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Đinh Thanh P1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo Đinh Văn Đ 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo Cao Văn B1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo Đinh Xuân T2 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Đinh Thanh P1, Đinh Xuân T2 về Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình; Bị cáo Cao Văn B1 về UBND xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình; Bị cáo Đinh Văn Đ về UBND thị trấn T, huyện

N, tỉnh Quảng Nam là nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

II/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Khoản 1 Điều 288, Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 BLDS năm 2015.

1/ Buộc các bị cáo Nguyễn Thành T1, Đinh Thanh P1, Cao Văn B1, Đinh Xuân T2 và Đinh Văn Đ có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ A số tiền 378.000.0000 (ba trăm bảy mươi tám triệu) đồng, chia phần cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Thành T1 bồi thường số tiền 189.000.000 (một trăm tám mươi chín triệu) đồng, đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 004545 ngày 14/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, còn lại phải bồi thường 184.000.000 (một trăm tám mươi bốn triệu) đồng.

- Bị cáo Đinh Thanh P2 bồi thường số tiền 75.600.000 (bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn) đồng, đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 004542 ngày 10/10/2018 và số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng theo biên lai thu số 004547 ngày 19/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, còn lại phải bồi thường 60.600.000 (sáu mươi triệu sáu trăm nghìn) đồng.

- Bị cáo Cao Văn B1 bồi thường số tiền 37.800.000 (ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn) đồng, đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 004543 ngày 10/10/2018 và số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng biên lai thu số 004546 ngày 19/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, còn lại phải bồi thường 27.800.000 (hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn) đồng.

- Bị cáo Đinh Xuân T2 bồi thường số tiền 37.800.000 (ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn) đồng, đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai thu số 004548 ngày 19/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, còn lại phải bồi thường 32.800.000 (ba mươi hai triệu tám trăm nghìn) đồng.

- Bị cáo Đinh Văn Đ bồi thường số tiền 37.800.000 (ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn) đồng, đã nộp 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 004544 ngày 11/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, còn lại phải bồi thường 35.300.000 (ba mươi lăm triệu ba trăm nghìn) đồng.

III/ Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 BLTTHS năm 2015.

1/ Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước các tài sản sau:

- 06 (sáu) phách gỗ Giổi nhóm III có khối lượng 0,403m³ (không phải bốn không ba mét khối) do Tổ công tác bảo vệ rừng phòng hộ A thu giữ ngày 03/4/2018 và đã bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tạm giữ ngày 31/5/2018.

- 12 (mười hai) phách gỗ Giổi nhóm III có khối lượng 1,138 m³ (một phẩy một ba tám mét khối); 07 (bảy) lóng gỗ tròn có khối lượng 4,094 m³ (bốn phẩy không chín bốn mét khối), bao gồm: gỗ Giổi 06 (sáu) lóng có khối lượng 3,868 m³ (ba phẩy tám sáu tám mét khối), gỗ Gõ Đỏ 01 (một) lóng có khối lượng 0,226 m³ (không phẩy hai hai sáu mét khối) còn tại hiện trường, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã giao cho Ban QLRPH A quản lý và bảo quản.

- 01 (một) cửa máy nhãn hiệu STIHL MS381 thân máy có ba màu vàng trắng đen, lưỡi lam bằng kim loại dài 80cm (tám mươi centimét) của Nguyễn Thành T1 (là công cụ sử dụng để cưa gỗ). Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Công an huyện Đ.

2/ Tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 (một) dây dù màu xanh dài 03m (ba mét); 02 (hai) dây vải màu xanh dài 1,15m (một phẩy mười lăm mét) là công cụ sử dụng khi vận chuyển gỗ của bị cáo Đinh Xuân T2.

- 03 (ba) mẫu gỗ được cưa từ các gốc chặt được ký hiệu theo số thứ tự 01, 02, 03 kèm theo ký hiệu ngày khám nghiệm hiện trường 12/4/2018.

- 03 (ba) sim điện thoại (cụ thể: Nguyễn Thành T1 có số thuê bao là 0969678545, Đinh Thanh P1 có số thuê bao là 01655748710, Đinh Văn Đ có số thuê bao là 0974464152).

Các vật chứng này hiện đang lưu giữ tại Công an huyện Đ.

3/ Tuyên truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội của bị cáo Đinh Thanh P1 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, bị cáo Cao Văn B1 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, bị cáo Đinh Văn Đ 800.000 (tám trăm nghìn) đồng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Thanh H4 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

4/ Tuyên truy thu sung vào ngân sách nhà nước 50% số tiền bán chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đen, biển số 92T1-018.79 của bị cáo Đinh Văn Đ là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

IV/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

V/ Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Các bị cáo Nguyễn Thành T1, Đinh Xuân T2 và Đinh Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thành T1 phải chịu 9.200.000 (chín triệu hai trăm nghìn) đồng, bị cáo Đinh Xuân T2 phải chịu 1.640.000 (một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng, bị cáo Đinh Văn Đ phải chịu 1.765.000 (một triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

Căn cứ Điều 1 Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị cáo Đinh Thanh P1 và Cao Văn B1 được miễn toàn bộ án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án hoặc nhận được bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đông Giang;
- Cơ quan CSĐT huyện Đông Giang;
- Cơ quan THAHS CA huyện Đông Giang;
- Chi cục THADS huyện Đông Giang;
- Nhà tạm giữ CA huyện Đông Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Oanh